

## MỘT VÀI NHẬN XÉT GIỚI THIỆU BƯỚC ĐẦU VỀ MỐI LIÊN HỆ GIỮA TIẾNG MELAYU VÀ TIẾNG VIỆT

Trần Thuý Anh

*Khoa Ngôn ngữ*

*Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội*

### Khái quát về ngôn ngữ Melayu

1. Về quê hương của tiếng Melayu, có rất nhiều ý kiến cho rằng những người nói tiếng Bahasa Melayu bắt nguồn từ một nhóm người nói ngôn ngữ cổ xưa có tên là Austronesia. Khi nghiên cứu phong tục tập quán và tiếng nói của người Melayu, J.R.Logan đã cho rằng tiếng Melayu bắt nguồn từ vùng Yunan (Vân Nam, Trung Quốc). Một vài tác giả khác như G.K.Nieman và R.M.Clark cũng qua tìm hiểu phong tục tập quán người Melayu đã kết luận quê hương tổ tiên của những người nói tiếng Melayu được phân bố ở vùng châu Á lục địa. Hai nhà nghiên cứu ngôn ngữ Melayu là Slamet Muljana (Indonesia) và Asmah Haji Omar (Malaysia) cũng đều ủng hộ quan điểm của Logan. Slamet Muljana, bằng công trình nghiên cứu riêng của mình dựa trên sự so sánh các ngôn ngữ trong họ Austronesia (trong đó có cả tiếng Melayu), nhận định rằng tiếng Melayu nói riêng và họ Nam Đảo nói chung bắt nguồn từ châu Á. Cùng với ý kiến trên, J.H.C. Kern một chuyên gia nghiên cứu tiếng Sanskrit và các ngôn ngữ Austronesia cũng quan niệm tiếng Melayu bắt nguồn từ một ngôn ngữ ở vùng châu Á lục địa và ông nói rõ hơn là ở vùng đông nam Trung Quốc. Theo những nhà nghiên cứu này những người nói tiếng Melayu là những người từ vùng đất đông nam Trung Quốc di cư xuống vùng Đông Nam Á và sinh sống tại đây. Các nhà ngôn ngữ học Đông Nam Á xếp ngôn ngữ Melayu trong gia đình ngôn ngữ Nam Đảo (austronesia). Họ ngôn ngữ austronesia gồm bốn nhánh đó là Nusantra (còn gọi là nhánh Tây Indônêsi), Melanesia, Mikronesia và Polinesia. Tiếng Melayu là một ngôn ngữ quan trọng nhất của họ Nam Đảo và được sử dụng ở Malaysia, Indonesia, Brunei và Singapore.

2. Tiếng Melayu thuộc loại hình ngôn ngữ có phụ tố, trong các phương thức tạo từ của tiếng Melayu phương thức phụ tố (tiền tố, trung tố và hậu tố) là một phương thức quan trọng. Căn tố tiếng Melayu hầu như không biến đổi hình thái và thể tồn tại độc lập được khi không có phụ tố đi kèm. Chẳng hạn như:

ladang (ruộng)	peladang (nông dân - người làm ruộng)
berita (tin tức)	pemberita (phóng viên - người viết tin)

Mỗi phụ tố chấp dính luôn luôn chỉ biểu diễn một ý nghĩa ngữ pháp và ngược lại, mỗi ý nghĩa ngữ pháp bao giờ cũng được biểu thị bằng một phụ tố riêng. Bởi thế trong hoạt động ngôn ngữ, độ dài của từ có thể tương đối lớn vì các phụ tố cứ được nối tiếp và căn tố một cách tự động để biểu hiện cho đủ những ý nghĩa ngữ pháp. Loại phụ tố phát huy khả năng tiềm tàng trong ngôn ngữ Melayu là tiền tố: *me, men, mem, meng, ber, ter*, các tiền tố này kết hợp với từ căn tạo thành các động từ. Ví dụ như:

lari (từ căn)	- belari (chạy - động từ)
ajar (từ căn)	- mengajar (dạy - động từ)
jatut (từ căn)	- terjatut (rơi - động từ)

Để có được danh từ chỉ người chỉ cần kết hợp với tiền tố *ke, pe*. Chẳng hạn như:

kebun (vườn)	- pekebun (người làm vườn)
duduk (ngồi)	- kedudukan (cư dân)

Nhìn chung, trong câu đơn tiếng Melayu, các thành phần được sắp xếp theo trật tự: chủ ngữ - vị ngữ - bổ ngữ. Ví dụ:

Saya	minum	susu (Tôi uống sữa)
Chủ ngữ	Vị ngữ	Bổ ngữ

Ngoài ra, các từ *telah, sudah* (đã), *sedang* (đang), *akan* (sẽ) chỉ các thời quá khứ, hiện tại và tương lai cũng được sử dụng ở trong tiếng Melayu.

## II. Cơ sở về mối quan hệ giữa tiếng Việt và tiếng Melayu

### 1) Giả thuyết di dân

Khi nghiên cứu phong tục tập quán và tiếng nói của người Melayu J.R.Logan, G.K.Nieman và R.M.Clark cho rằng tiếng Melayu bắt nguồn từ vùng đất Yunan (Vân Nam, Trung Quốc). Nhà ngôn ngữ học nổi tiếng Malaysia Asmah Haji Omah đã làm sáng tỏ vấn đề nguồn gốc tiếng Melayu và đã có sự di cư của người Melayu từ châu Á đến Nusantra (Đông Nam Á hải đảo) không chỉ xảy ra có một lần. Theo Asmah ngoài sự di chuyển trên đất liền còn có sự di cư bằng đường biển từ vùng biển Trung Hoa tới vùng Đông Nam Á hải đảo ngày nay. Hai con đường đó, có lẽ, in dấu sự khác nhau vào tiếng Melayu ở quê hương mới.

J.H.C. Kern một chuyên gia nghiên cứu các ngôn ngữ của ngữ hệ Austronesia nhận xét rằng các từ được sử dụng trong nhánh ngôn ngữ Nam Đảo cũng thấy được sử dụng cả ở đảo Madagasca, Philipin, Đài Loan và một số đảo khác ở biển Thái Bình Dương. Các từ giống nhau đó là *padi-ruộng, bulu-tre, awan-mây, pisang-chuối, ubi-củ và cerdik-thông minh*.

Như vậy theo cách nhìn nhận của một số nhà nghiên cứu ngôn ngữ austronesia thì cuộc di cư của người Nam Đảo được trình bày là từ vùng Trung Quốc, qua Đông Dương và bán đảo Mã Lai rồi toả ra những vùng hải đảo Đông Nam Á và châu Đại dương. Trong quá trình di chuyển đó, nhóm người nói ngôn ngữ Austronesia không ở nguyên một chỗ mà có sự di động. Họ đi rất xa tới những vùng bán đảo, vùng ven biển Thái Bình Dương.

### 2) Giả thuyết quan hệ họ hàng

Năm 1906, Wilhelm Schmidt trên cơ sở so sánh 215 từ giữa một số ngôn ngữ trong hai nhóm ngôn ngữ đã đưa ra một giả thuyết về một ngữ hệ Nam Phương (Austric) gồm hai nhóm Nam Đảo và Nam Á. Theo quan điểm của Schmidt hai nhóm này cũng có một điểm tương đồng cơ bản về hình thái học, với nét nổi bật là phương thức phụ tố gồm các tiền tố và trung tố. Nếu xét theo quan niệm này thì hai họ ngôn ngữ Nam Đảo và Nam Á có cùng chung một nguồn gốc vì giữa chúng có những nét phản ánh quan hệ thân thuộc, gần gũi về nguồn gốc vốn có giữa các thứ tiếng Nam Đảo và Nam Á.

### 3) Giả thuyết tiếp xúc ngôn ngữ

Theo Benedict thì số lượng 215 từ được Schmidt đem ra so sánh giữa hai họ Nam Đảo và Nam Á là nhiều về số lượng nhưng về chất lượng thì nghèo nàn hoặc không có sức thuyết phục. Những từ vựng tương đương quan trọng nhất được Benedict sắp xếp lại theo sự phân loại như: số từ, đại từ, từ chỉ bộ phận con người, từ chỉ hiện tượng thiên nhiên, động vật, động từ, từ văn hoá v.v. Qua đó Benedict khẳng định rằng Austro - Thái và Nam Á không có gốc từ chung mặc dù giống nhau về hình thái.

Trong bài "Giới hạn và nối kết của ngôn ngữ Nam Á ở Đông Bắc" trong Tạp chí Ngôn ngữ số 1, năm 1991, Haudricourt nhấn mạnh trong các ngôn ngữ họ Nam Đảo ở Sumatera có dấu vết Nam Á. Ông đã thấy ở tiếng Malai những từ Môn-Khmer mà tiếng Chăm không có, ví dụ "crabe" (cua) *ketam*. Bên cạnh đó, Haudricourt còn đưa ra một khả năng là các ngôn ngữ Nam Á và Nam Đảo vay mượn lẫn nhau.

### III. Những biểu hiện liên quan đến mối liên hệ

1- Vốn từ vựng là căn cứ hết sức quan trọng có thể giúp cho việc xác định phân loại và quan hệ giữa các ngôn ngữ. Bởi vì nó gọi tên tất cả những sự vật, hiện tượng, thuộc tính, quá trình... thiết yếu nhất trong sự tồn tại của đời sống con người. Khi xem xét lớp từ vựng tiếng Melayu theo nhóm ngữ nghĩa, chúng ta sẽ thấy ở đó phân bố các từ mà nghĩa nó tương tự như nghĩa tiếng Việt.

- Về hiện tượng thiên nhiên: bulan - *trăng*, taufan- *bão*, cerlang- *nắng*...

- Về thời gian, thời tiết: siang- *sáng*, suam- *ấm*, malam- *đêm* ...

- Về đất đai, địa hình: darah- *đất*, sungai- *sông*, pulau- *cù lao*, gunung- *gò*, kuala- *cửa sông*, piam- *vàm*, lumpur- *bùn* ...

- Về con người, tuổi tác, thân tộc: abang- *anh*, emak- *mẹ*, abah- *ba*, opah- *bà*, ibu- *bu*, pak- *bác*, nyah- *nhỏ nhí* ...

- Về bộ phận cơ thể con người: tangan- *tay*, otak- *óc*, kulit- *lô (da)*, mata- *mắt*, perut- *ruột*, rongga- *họng* ...

- Về cử chỉ con người: tokak- *cắn*, jerit- *rit*, sangap- *ngáp*, laung- *la*, garis- *gãi*

- Về trạng thái yêu ghét của con người: sayang- *say*, dengki -*đố kị*, lupa- *lười*...

- Về hành động con người: makan- *ăn*, ajar-*day*, buka- *bóc*, minum- *uống*, terbang- *bay*, dengar- *nghe*, pakai- *mặc*, goreng- *rang*, mati- *mất*, elak- *lách*, jatut- *tụt* ...

- Về động vật: kumbang- *mang*, telan- *trần*, ular- *rắn*, ikan- *cá*, lembu- *bò*, engkak- *qua*, pamas- *vắt*, kerbau- *trâu* ...

- Về tính chất sự vật: hitam- *thâm*, terang- *sáng*, jahat- *hại*, buta- *mù*, sarap- *ráp*, remuk- *mục*, panjang- *dài*, denggu- *ngu*, hangat- *ngạt*, sedikit- *ít*, haus- *háo* ...

- Về cây cối: blao- *trấu*, layu- *lá héo*, lu- *lúa*, ubi- *củ*, pinang- *nang cau*, kayu- *cây*, sayur- *rau*, labu- *bù*, bunga- *bông hoa* ...

Các từ văn hoá: pna- *ná*, beliung- *riêu*, pisau- *dao*, tudung- *vung*, papan- *ván*, tangga- *thang*, tudung- *vung*, ganjar- *giáo*...

Vì vậy, nếu như chúng ta muốn biết sự trùng hợp về mặt từ vựng giữa hai ngôn ngữ là kết quả của nguồn gốc chung hay của những tiếp xúc trong lịch sử chúng ta cần phải đối chiếu so sánh.

#### IV. Những đánh giá của các nhà nghiên cứu

Hiện nay mối quan hệ tiếng Việt và tiếng Melayu được các nhà nghiên cứu chia ra hai quan điểm: a) coi chúng có quan hệ nguồn gốc, b) coi chúng là những ngôn ngữ có tiếp xúc.

1- Trong cuốn sách "Nguồn gốc Mã Lai của các dân tộc Việt Nam" tác giả [4] Bình Nguyên Lộc đã lập những bảng đối chiếu từ vựng giữa tiếng Việt với tiếng Melayu và với một số thứ tiếng như Mường, Sơ đăng, Chăm, Rơ gao, Hán, Thái v.v... Ví dụ:

Việt Nam	Già
Thái	Kà
Mường	Gia
Mã lai	Tua

Tuy Bình Nguyên Lộc có nhận xét tiếng Việt và các tiếng Melayu có khác nhau đôi chút về văn phạm nhưng dứt khoát coi hai ngôn ngữ đó cùng nguồn gốc. Nguyễn Đình Hoà cho rằng tiếng Việt và các tiếng Melayu có vay mượn lẫn nhau thì Bình Nguyên Lộc đã phản bác lại ý kiến này. Theo Bình Nguyên Lộc nếu nói là vay mượn hay tiếp xúc giữa hai ngôn ngữ này thì xảy ra trong thời gian nào? Ông viết rằng "chỉ có một cách trả lời là nó xảy ra thời thượng cổ, lúc hai dân tộc còn là một, tức là ta với họ đồng chủng với nhau và có địa bàn chung vào thời thượng cổ"

Reid một nhà nghiên cứu ngôn ngữ dựa trên bài báo của Radhakrishman (1976) thấy tiếng Nacowry của cư dân quần đảo Nicobar, mà tất cả các nhà ngôn ngữ đã nhất trí coi là một ngôn ngữ Nam Á, giống nhau về công cụ hình thái lẫn chức năng với ngôn ngữ Proto-austronesia mà các nhà Nam Đảo học đã khôi phục. Do sự cô lập của ngôn ngữ Nacowry, Reid cho rằng sự giống nhau này không thể là do tiếp xúc mà có khả năng là do mối liên hệ nguồn gốc giữa các ngữ hệ Nam Đảo và Nam Á.

Tác giả Rakssihadi trong bài báo "Quan hệ giữa tiếng Indonesia và tiếng Việt" cũng khẳng định tiếng Việt và tiếng Indonesia (một bộ phận của tiếng Melayu) có quan hệ họ hàng với nhau. Rakssihadi đã tìm hiểu mối quan hệ giữa tiếng Khơme và tiếng Acheh (bắc Sumatera) thuộc nhánh Tây Indonesia thấy chúng có mối quan hệ thân thuộc với nhau. Trong khi đó tiếng Việt cũng nhánh với tiếng Khơme trong họ Nam Á. Từ đó có thể rút ra hệ quả lôgích này: "về mặt phá hệ và về những mặt khác nữa tiếng Việt phải có quan hệ với tiếng Acheh, do đó với tiếng Indonesia". Rakssihadi cho rằng sự giống nhau về nguồn gốc phải chỉ ra thông qua sự tồn tại của một mối quan hệ nhất định. Cùng với những hiện tượng

giống nhau giữa hai thứ tiếng Việt và Indonesia qua các từ không biến đổi, Rakssihadi khẳng định tiếng Việt và tiếng Indonesia có mối quan hệ phổ hệ.

Việt	Indonesia	Nghĩa
ăn	makan	ăn
uống	minum	uống
anh	abang	anh

Khi xem xét từ vựng tiếng Chăm (cùng nguồn gốc với tiếng Melayu) các nhà ngôn ngữ thấy có rất nhiều từ Môn - Khơme và nó bắt rễ sâu hơn các từ du nhập khác trong vốn từ vựng tiếng Chăm. Ví dụ:

Chăm	Melayu	Việt
klạn	telan	con trăn
cwàq	jejak	đạp, giẫm
pọq	buka	bóc

Ngoài những từ mới du nhập từ các ngôn ngữ Môn Khơme trong khu vực không thay đổi nhiều về hình thái ngữ âm, mà còn có những từ được Headley so sánh qua các thủ pháp phục nguyên của tiếng Chăm trong sự so sánh với tiếng Việt. Headley cho rằng rất có thể sự tiếp xúc giữa các ngôn ngữ Nam Đảo và ngôn ngữ Môn-Khơme từ xưa kia đã diễn ra không phải là một chiều và những từ du nhập vào nhau là từ hai phía. Như vậy, có khả năng các ngôn ngữ Nam Đảo và các ngôn ngữ Môn - Khơme có quan hệ tiếp xúc và sự tiếp xúc này không chỉ xảy ra trong thời gian gần đây, mà có thể trong quá khứ thời gian lịch sử nào đó hai ngôn ngữ này ảnh hưởng tác động lẫn nhau.

3. Chính vì vậy vấn đề được đặt ra là nghiên cứu những tương ứng từ vựng giữa tiếng Việt và tiếng Melayu để hiểu chúng là kết quả của cùng một nguồn gốc với Indonesia hay là vay mượn là một nhu cầu thực tế.

Rất có thể từ Melayu tương tự với các từ tiếng Việt nói chung có thể gồm hai loại: một là những từ tạm gọi thuộc cơ tầng chung vốn có từ xa xưa. Hai là những từ thuộc lớp từ văn hoá du nhập trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Chúng rất dễ được nhận diện ở bình diện từ vựng ngữ nghĩa khi ta gặp những nghĩa tương ứng hoàn toàn. Tiếng Việt và tiếng Melayu đều có những từ gần gũi nhau về âm thanh, liên quan với nhau ở ý nghĩa nên chắc chắn tiếng Việt và tiếng Melayu có quan hệ với nhau. Nhưng để khẳng định mối quan hệ này là nguồn gốc hay tiếp xúc đòi hỏi cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc nghiên cứu và so sánh giữa hai thứ tiếng này.

Như vậy, việc giới thiệu bước đầu mối liên hệ giữa tiếng Việt và tiếng Melayu trước hết là để tiến tới hiểu mối quan hệ giữa hai ngôn ngữ này. Đồng thời từ đó có thể đưa ra những vấn đề gợi mở giúp cho chúng ta hiểu tiếng Melayu hơn. Điều đó cũng có thể sẽ giúp cho việc nghiên cứu từ vựng, hình thái cú pháp của không chỉ ngôn ngữ Melayu nói chung mà còn của cả họ ngôn ngữ Nam Đảo nói chung. Kết quả nghiên cứu mối liên hệ sẽ góp phần cho chúng ta cái nhìn ban đầu về một ngôn ngữ thuộc họ Nam Đảo ở Đông Nam Á trong mối quan hệ với các ngôn ngữ khác thuộc họ Nam Á.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] *Các ngôn ngữ Đông Nam Á trong giao lưu và phát triển*. Viện Thông tin Khoa học Xã hội, H., 1998.
- [2] Trần Trí Dồi. Các ngôn ngữ thành phần của nhóm Việt - Mường. *Tạp chí Ngôn ngữ số(3)*1996, tr 29-32.
- [3] Phạm Đức Dương. *Tiếp xúc ngôn ngữ ở Đông Nam Á*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1983.
- [4] Bình Nguyên Lộc. *Nguồn gốc Mã Lai của dân tộc Việt Nam*. NXB Sài Gòn, Sài Gòn 1973.
- [5] Hà Văn Tấn. *Theo dấu các văn hoá cổ*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội 1997.
- [6] Đoàn Văn Phúc. So sánh từ vựng tiếng Mã Lai với các ngôn ngữ Chăm. *Nghiên cứu Đông Nam Á, số(4)*1996, tr.78- 87.
- [7] Bùi Khánh Thế. *Ngữ pháp tiếng Chăm*. NXB Giáo dục, Hà Nội 1996.
- [8] *Việt ngữ học ở nước ngoài*. Viện Thông tin KHXH, Hà Nội 1998.
- [9] A.G. Haudricourt. Vị trí của tiếng Việt trong các ngôn ngữ Nam Á. *Tạp chí Ngôn ngữ số (1)*1991, tr.19 - 22.
- [10] A.G. Haudricourt. Giới hạn và nối kết của ngôn ngữ Nam Á ở Đông Bắc. *Tạp chí Ngôn ngữ, số (1)*1991, tr.32 - 39.
- [11] S.E. Jankhotov. Về sự phân loại các ngôn ngữ ở Đông Nam châu Á. *Tạp chí Ngôn ngữ, số (1)*1991, tr.73 - 78.
- [12] Nik Safiah Karim. *Tatabahasa Dewan (Ngữ pháp tiếng Melayu)*. Dewan Bahasa dan Pustaka, Kuala Lumpur 1997.

SOME PRELIMINARY REMARKS ON A RELATIONSHIP  
BETWEEN MELAYU AND VIETNAMESE

**Tran Thuy Anh**

*Faculty of Linguistics*

*College of Social Sciences & Humanities - VNU*

The Melayu people derived from the ancient group which is named Austronesia and is believed to have migrated from Yunan (China) to Southeast Asia. The Melayu language belongs to the Austronesia family. The relationship between Melayu and Vietnamese is the result of three factors: migration of people, genetic relationship and borrowing by language contact. Some Vietnamese and foreign linguists presented papers on some specific lexical tie-ups between Melayu and Vietnamese. Comparative Austronesia and Austroatic studies for many years have presented evidence of a basic similarity in lexical forms. The similarity of basic lexical agreement between Melayu and Vietnamese include two types: the common corpus of roots from the core vocabulary and the borrowing of cultural words in the course of history.